

Số: /TB-SKHCN

An Giang, ngày tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ bắt đầu thực hiện từ năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số 3858/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh đặt hàng bắt đầu thực hiện từ năm 2026.

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ bắt đầu thực hiện từ năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ), cụ thể như sau:

I. Nhiệm vụ thông báo đặt hàng:

Danh mục chi tiết 17 nhiệm vụ đặt hàng thực hiện từ năm 2026 tại Phụ lục kèm theo Thông báo này.

II. Điều kiện đối với tổ chức, doanh nghiệp đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ:

1. Tổ chức, doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là tổ chức) đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ phải đáp ứng các yêu cầu sau: có tư cách pháp nhân, có năng lực, kinh nghiệm, có chức năng, nhiệm vụ hoặc lĩnh vực hoạt động phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ.

2. Tổ chức không được xem xét đăng ký thực hiện nhiệm vụ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký, tổ chức chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá cuối kỳ hoặc đánh giá nghiệm thu đối với nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước do tổ chức đó chủ trì đã đến thời hạn đánh giá cuối kỳ hoặc nghiệm thu theo quy định;

b) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký, tổ chức chưa hoàn trả đủ kinh phí phải thu hồi theo quyết định/văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền;

c) Trong thời hạn 01 năm kể từ khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thực hiện nhiệm vụ do có hành vi vi phạm pháp luật đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký;

d) Tổ chức đang bị đình chỉ hoạt động, bị xử phạt vi phạm hành chính vì hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; đang bị kỷ luật, bị khởi tố.

3. Doanh nghiệp tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, không đang bị xử lý vi phạm về thuế, tài chính.

III. Hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ:

1. Thành phần hồ sơ chung:

a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ (thực hiện theo *Mẫu ĐDK*), trong đó có nội dung cam kết về tính chính xác, trung thực của số liệu, thông tin được cung cấp tại thuyết minh nhiệm vụ.

b) Thuyết minh nhiệm vụ (thực hiện theo *Mẫu TMNV*), cụ thể:

- Thuyết minh nhiệm vụ bao gồm các nội dung chủ yếu sau: tên nhiệm vụ; luận giải tính cấp thiết; mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể; nội dung, phương pháp thực hiện; kết quả dự kiến; thời gian, tiến độ thực hiện; năng lực, kinh nghiệm của tổ chức chủ trì, trong đó gồm có nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ; dự toán kinh phí đề xuất khoán đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán từng phần; xác định các loại rủi ro có thể phát sinh và đề xuất biện pháp quản lý, kiểm soát; phương án phối hợp, hợp tác quốc tế, thuê chuyên gia; dự kiến hiệu quả đầu ra, tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 19 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Thuyết minh được trình bày tối đa 20 trang, trong đó cần bổ sung thông tin: nội dung, phương pháp thực hiện bao gồm hiện trạng trong nước và thế giới trước khi nghiên cứu; kết quả dự kiến bao gồm kết quả trung gian và kết quả cuối cùng; mối liên hệ giữa mục tiêu cụ thể, nội dung, kết quả trung gian, kết quả cuối cùng.

c) Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức chủ trì: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Điều lệ hoạt động được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc các tài liệu tương đương khác.

d) Thông tin về năng lực của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ (thực hiện theo *Mẫu NLTC*). Ngoài ra, đối với tổ chức đăng ký chủ trì là doanh nghiệp, cần bổ sung tài liệu minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ thuế trong 03 năm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ.

đ) Lý lịch của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm và thành viên nghiên cứu (thực hiện theo *Mẫu LLCN*).

e) Văn bản xác nhận ứng dụng kết quả nghiên cứu của tổ chức trên địa bàn tỉnh An Giang (thực hiện theo *Mẫu UDKQ*);

f) Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ (nếu có - thực hiện theo *Mẫu CKPH/TT*).

2. Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ: Thực hiện theo Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

*** Đối với các nhiệm vụ có yêu cầu về vốn đối ứng:** cần phải có tài liệu thể hiện phương án huy động vốn đối ứng phù hợp với từng trường hợp cụ thể sau:

a) *Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có:* cần bổ sung tài liệu chứng minh nguồn vốn và cam kết sử dụng nguồn vốn vào đối ứng thực hiện nhiệm vụ;

b) *Đối với trường hợp huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân khác:* cần bổ sung văn bản cam kết và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ và văn bản thỏa thuận giữa các bên về phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả (nếu có);

c) *Đối với trường hợp vay vốn tổ chức tín dụng:* cần bổ sung văn bản cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ.

3. Yêu cầu đối với hồ sơ:

a) Hồ sơ (trừ các tài liệu là bản sao) sử dụng phông chữ tiếng Việt (Times New Roman của bộ mã ký tự Unicode theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001);

b) Hồ sơ đăng ký được đóng gói và niêm phong, bên ngoài ghi rõ:

- Tên nhiệm vụ;
- Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ;
- Tên, địa chỉ, số điện thoại của chủ nhiệm nhiệm vụ, thông tin liên hệ;
- Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

c) **Lưu ý:** Hồ sơ được xem là hợp lệ bắt buộc phải có các thành phần từ **1a đến 1e (Mục III)** và nộp đúng thời gian quy định, các biểu mẫu phải phù hợp về thể thức và nội dung. Hồ sơ không hợp lệ sẽ không được xem xét và không gửi trả lại.

IV. Nộp hồ sơ:

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản giấy (kèm 01 bản điện tử);

2. Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 30/9/2026 (thứ Tư).

- Hồ sơ cần **nộp đúng thời gian**, trong đó thời gian nhận hồ sơ được tính là thời gian ghi tại dấu bưu chính nơi gửi đi (đối với trường hợp gửi qua dịch vụ bưu chính) hoặc xác nhận thời gian trên dấu “Công văn đến” của bộ phận văn thư

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Khoa học và Công nghệ);

- Khi chưa hết thời gian nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay thế bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc bổ sung, thay thế hồ sơ mới phải hoàn thành trước thời gian kết thúc việc nộp hồ sơ theo quy định.

3. Hình thức nộp hồ sơ: Hồ sơ đăng ký xét đặt hàng thực hiện nhiệm vụ **nộp trực tiếp về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang** (Số 320 đường Ngô Quyền, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang);

Kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ bắt đầu thực hiện từ năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang và các văn bản, biểu mẫu liên quan được đăng trên Cổng Thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang tại địa chỉ: <https://skhcn.angiang.gov.vn>, mục **Thông báo**.

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang (thông qua Phòng Khoa học, điện thoại: (0297)3.876.586 hoặc hộp thư: qlkhag@gmail.com) để được hỗ trợ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân theo danh sách;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh;
- Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Phòng và đơn vị trực thuộc Sở;
- Đăng website Sở KH&CN An Giang;
- Lưu: VT, PKH, nhnlynh.

GIÁM ĐỐC

Võ Minh Trung

Đính kèm:

- Quyết định số 3858/QĐ-UBND;
- Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND;
- Các biểu mẫu liên quan: Mẫu ĐĐK, Mẫu TMNV, Mẫu NLTC, Mẫu LLCN, Mẫu UDKQ, Mẫu CKPH/TT.

PHỤ LỤC
Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng
bắt đầu thực hiện từ năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang
(Kèm theo Thông báo số /TB-SKHCN ngày /8/2026
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang)

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
1	Nghiên cứu dịch tễ, di truyền và đề kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>Riemerella anatipestifer</i> gây bệnh bại huyết trên vịt tại tỉnh An Giang	1. Mục tiêu chung: Xác định đặc điểm dịch tễ, biểu hiện lâm sàng, tổn thương bệnh lý, khả năng kháng kháng sinh và serotype của vi khuẩn <i>Riemerella anatipestifer</i> gây bệnh bại huyết trên vịt tại tỉnh An Giang nhằm phục vụ cho công tác chẩn đoán, điều trị và xây dựng mô hình vùng cơ sở chăn nuôi vịt an toàn sinh học thông qua ứng các ứng dụng AI, công nghệ gen và vi sinh. 2. Mục tiêu cụ thể: - Xác định tỷ lệ bệnh bại huyết do <i>Riemerella anatipestifer</i> trên vịt tại tỉnh An Giang. Nghiên cứu chỉ ra các yếu tố dịch tễ học quan trọng như độ tuổi, giống vịt, mùa vụ và điều kiện nuôi trồng, qua đó xác định các khu vực có nguy cơ cao và những yếu tố tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến sự lây lan của <i>Riemerella anatipestifer</i> trên vịt. - Xác định những dấu hiệu lâm sàng điển hình bệnh bại huyết do <i>Riemerella anatipestifer</i> trên vịt, qua đó giúp nhận	- Bảng mô tả tỷ lệ mắc bệnh bại huyết do vi khuẩn <i>Riemerella anatipestifer</i> trên vịt và các yếu tố nguy cơ liên quan đến sự lan truyền bệnh tại tỉnh An Giang. - Bảng mô tả một số dấu hiệu lâm sàng và một số hình ảnh bệnh tích đại thể và vi thể đặc trưng của bệnh bại huyết do <i>Riemerella anatipestifer</i> trên vịt. - Bảng mô tả mức độ nhạy cảm của <i>Riemerella anatipestifer</i> phân lập từ vịt đối với một số loại kháng sinh và phát hiện sự hiện diện của các gen kháng kháng sinh phổ biến bằng kỹ thuật PCR. - Xác định được 1-2 serotype của vi khuẩn <i>Riemerella anatipestifer</i> gây bệnh bại huyết tại tỉnh An Giang. - Xây dựng và phát triển 01 mô hình cơ sở chăn nuôi vịt đảm bảo an toàn sinh học và giải pháp quản lý nhà nước hiệu quả trong việc phòng, chống dịch bệnh bại huyết do <i>Riemerella anatipestifer</i> trên đàn vịt tại tỉnh An Giang.	1.900 triệu đồng	24 tháng	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
		diện bệnh một cách chính xác hơn và phân biệt với các bệnh khác. - Xác định mức độ đề kháng của vi khuẩn phân lập được với một số loại kháng sinh phổ biến từ đó giúp quá trình điều trị sử dụng kháng sinh, tăng hiệu quả điều trị bệnh bại huyết trên vịt do <i>Riemerella anatipestifer</i>. - Xác định được serotype của vi khuẩn <i>Riemerella anatipestifer</i> gây bệnh bại huyết tại tỉnh An Giang. - Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt đảm bảo an toàn sinh học.	- Đề xuất một số biện pháp quản lý dịch bệnh bại huyết do <i>Riemerella anatipestifer</i> để xây dựng mô hình vùng cơ sở chăn nuôi vịt an toàn sinh học tại tỉnh An Giang. - Quy trình chẩn đoán bệnh bại huyết do <i>Riemerella anatipestifer</i> trên đàn vịt tại tỉnh An Giang. - Xuất bản 01 tài liệu tham khảo “Quy trình chăn nuôi và phòng chống một số bệnh phổ biến trên vịt”. - Hỗ trợ 01 nghiên cứu sinh và 02 học viên cao học ngành Thú y thực hiện đề tài là người An Giang. - Ít nhất 02 bài báo đăng tạp chí trong nước và 01 bài quốc tế trên tạp chí thuộc danh mục theo quy định của Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.			
2	Ứng dụng cảm biến và trí tuệ nhân tạo (AI) trong giám sát đàn ong không ngòi đốt (<i>Meliponini</i>) và đánh giá giá trị sinh học của mật ong được nuôi	1. Mục tiêu chung: Ứng dụng cảm biến và trí tuệ nhân tạo (AI) để giám sát đàn ong không ngòi đốt, đồng thời đánh giá giá trị sinh học của mật ong không ngòi đốt trong các hệ sinh thái được liệu bản địa tại vùng Bảy Núi. 2. Mục tiêu cụ thể: - Xây dựng ít nhất 02 mô hình nuôi ong không ngòi đốt (ngoài tự nhiên và trong nhà lưới có cảm biến).	- Ít nhất 02 mô hình nuôi ong không ngòi đốt - được liệu bản địa (vườn tự nhiên và vườn trong nhà lưới), mỗi mô hình ít nhất 1.000m². - Ít nhất 02 quy trình kỹ thuật nuôi ong không ngòi đốt, tương ứng với từng loại vườn. - Hệ thống AI giám sát ong không ngòi đốt (phiên bản prototype). - Bộ cơ sở dữ liệu sinh học, môi trường, AI của ong không ngòi đốt vùng Bảy Núi.	1.500 triệu đồng (trong đó NSNN: 1.300 triệu đồng; Doanh nghiệp đối ứng: 200 triệu đồng)	30 tháng	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
	trong vườn được liệu tại vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang	- Tích hợp hệ thống cảm biến nhiệt độ, độ ẩm, cân tổ và camera giám sát để thu thập dữ liệu theo thời gian thực. - Phát triển mô hình AI/Computer Vision nhằm nhận diện ong ra/vào tổ, phát hiện bất thường và dự đoán năng suất mật. - Phân tích giá trị sinh học của mật ong không ngòi đốt theo từng nhóm thảm thực vật được liệu. - Xác định mối liên hệ giữa nguồn hoa được liệu và hoạt tính sinh học có trong mật ong không ngòi đốt. - Xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi - giám sát - thu mật ứng dụng AI phù hợp điều kiện vùng Bảy Núi. - Xác định và phân tích các hoạt tính sinh học của mật ong không ngòi đốt và phát triển các sản phẩm từ ong không ngòi đốt,... trong các tác dụng kháng khuẩn, kháng nấm, chống oxy hóa và các lợi ích sức khỏe tiềm năng khác.	- Một số sản phẩm có giá trị gia tăng từ ong không ngòi đốt. - Bộ tiêu chuẩn cơ sở cho mật ong không ngòi đốt và sản phẩm liên quan, làm cơ sở phát triển sản phẩm thương mại. - Quy trình kỹ thuật nuôi ong không ngòi đốt và giám sát đàn ong ứng dụng AI. - Ít nhất 02 bài báo khoa học công bố trên tạp chí uy tín. - Hỗ trợ đào tạo ít nhất 01 học viên cao học và 01 sinh viên đại học là người An Giang. - Báo cáo đánh giá mối liên hệ giữa nguồn hoa được liệu và hoạt tính sinh học của mật ong không ngòi đốt. - Báo cáo so sánh thành phần, giá trị dinh dưỡng giữa mật ong không ngòi đốt trong vườn được liệu khu vực Bảy Núi với mật ong mật ở những vùng khác. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.			
3	Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cầu gai sọ dừa (<i>Tripneustes gratilla</i>) phù hợp với điều	1. Mục tiêu chung: Xây dựng quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cầu gai sọ dừa (<i>Tripneustes gratilla</i>) phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh An Giang, góp phần đa dạng hóa đối tượng nuôi thủy sản, nâng cao hiệu quả kinh tế và phát triển nghề nuôi bền vững tại địa phương. 2. Mục tiêu cụ thể:	- Quy trình sản xuất giống cầu gai sọ dừa (<i>Tripneustes gratilla</i>) phù hợp với điều kiện tự nhiên tỉnh An Giang. - Quy trình nuôi thương phẩm cầu gai sọ dừa (<i>Tripneustes gratilla</i>) phù hợp với điều kiện tự nhiên tỉnh An Giang. - Ít nhất 01 mô hình sản xuất giống và 02 mô hình nuôi thương phẩm cầu gai sọ dừa	1.800 triệu đồng	36 tháng	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
	kiện tự nhiên tỉnh An Giang	- Nghiên cứu quy trình sản xuất giống nhân tạo cầu gai sọ dừa (tuyển chọn bố mẹ, kích thích sinh sản, ương nuôi ấu trùng và con giống). - Nghiên cứu quy trình nuôi thương phẩm cầu gai sọ dừa (<i>Tripneustes gratilla</i>) phù hợp với điều kiện tự nhiên tỉnh An Giang. - Xây dựng ít nhất 02 mô hình nuôi thương phẩm cầu gai sọ dừa phù hợp với điều kiện tự nhiên tại tỉnh An Giang.	(<i>Tripneustes gratilla</i>) phù hợp với điều kiện tự nhiên tỉnh An Giang. - 02 bộ hồ sơ giải pháp hữu ích đối với quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm (được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn hợp lệ). - Ít nhất 02 bài báo khoa học công bố trên tạp chí uy tín. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.			
4	Nghiên cứu đánh giá đáp ứng điều trị ung thư biểu mô tế bào gan thông qua xét nghiệm máu phân tích biến động mSEPT9 và Ceruloplasmin mRNA huyết tương tại tỉnh An Giang	- Đánh giá mức độ biến đổi nồng độ mSEPT9 và CP mRNA trong huyết tương của bệnh nhân UTBMTBG trước và sau điều trị. - Đối chiếu kết quả xét nghiệm mSEPT9 và CP mRNA với đáp ứng điều trị để xác định giá trị tiên lượng của các dấu ấn này.	- Bộ quy trình chuẩn (Standard Operating Procedures) về lấy mẫu và xét nghiệm mSEPT9, CP mRNA trên mẫu huyết tương, có thể áp dụng tại bệnh viện tỉnh hoặc trung tâm y tế tuyến dưới. - Bộ cơ sở dữ liệu tổng hợp các mẫu bệnh phẩm, kết quả xét nghiệm và thông tin lâm sàng phục vụ phân tích, đảm bảo tính liên kết và minh bạch (Dữ liệu này có thể sử dụng cho các nghiên cứu tiếp theo hoặc xây dựng mô hình dự báo). - Khung hướng dẫn kỹ thuật sử dụng kết quả xét nghiệm trong giám sát bệnh nhân HCC. - Đề xuất lộ trình triển khai xét nghiệm sinh học phân tử tại các tuyến y tế địa phương (Có thể đề xuất hợp tác triển khai dịch vụ xét nghiệm phân tử cho bệnh nhân tại Đặc khu Phú Quốc và tỉnh An Giang).	2.500 triệu đồng	24 tháng	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
			- Đào tạo tập huấn, hướng dẫn Quy trình kỹ thuật xét nghiệm cho cán bộ y tế tỉnh An Giang. - Hội thảo phổ biến kết quả nghiên cứu. - Công bố (bài báo, báo cáo hội nghị khoa học) nhằm phổ biến kiến thức và khuyến khích ứng dụng. - Đào đạo sau đại học cho học viên người An Giang. - Báo cáo dữ liệu điều tra lâm sàng, kết quả xét nghiệm và phân tích thống kê về giá trị lâm sàng của mSEPT9, CP mRNA đối với HCC sau điều trị. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.			
5	Nghiên cứu đánh giá tính khả thi và hiệu quả sàng lọc ung thư sớm trong cộng đồng bằng xét nghiệm phân tích ctDNA (SPOT-MAS 10)	1. Mục tiêu chung: Đánh giá tính khả thi và hiệu quả của việc triển khai sàng lọc ung thư sớm trong cộng đồng bằng xét nghiệm SPOT-MAS dựa trên phân tích DNA vòng tuần hoàn của khối u (ctDNA). 2. Mục tiêu cụ thể: - Xác định tỷ lệ kết quả SPOT-MAS 10 dương tính và mô tả đặc điểm dịch tễ học, yếu tố nguy cơ liên quan trong nhóm đối tượng sàng lọc cộng đồng. - Đánh giá hiệu quả triển khai sàng lọc thông qua tỷ lệ tuân thủ theo dõi và chuyển tuyến chẩn đoán của người tham gia sau	- Bộ công cụ: thu thập dữ liệu chuẩn hóa; đánh giá tính khả thi và mức độ chấp nhận của cộng đồng. - Bộ hướng dẫn sử dụng phiếu/ hướng dẫn phỏng vấn (SOP) cho điều tra viên; biểu mẫu và nhật ký kiểm soát chất lượng. - Bộ tài liệu hướng dẫn triển khai (guideline/SOP khung) cho sàng lọc ung thư sớm bằng ctDNA tại cộng đồng. - Bộ dữ liệu: dịch tễ học của mẫu nghiên cứu; vận hành - kỹ thuật (operational dataset); theo dõi sau xét nghiệm (follow-up dataset).	1.800 triệu đồng (trong đó NSNN: 1.260 triệu đồng; Nguồn khác: 540 triệu đồng)	24 tháng	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
		khi nhận kết quả xét nghiệm SPOT-MAS10. - Đánh giá tính khả thi và mức độ chấp nhận của cộng đồng đối với sàng lọc ung thư sớm bằng xét nghiệm ctDNA.	- Bộ quy trình triển khai xét nghiệm tại cộng đồng (SOP/Quy trình vận hành): gồm quy trình tư vấn trước xét nghiệm, SOP lấy mẫu máu ngoại vi, SOP vận chuyển và bảo quản mẫu (thời gian, nhiệt độ, đóng gói, chain-of-custody), SOP tiếp nhận mẫu và kiểm tra chất lượng mẫu (tiêu chí đạt không đạt), quy trình trả kết quả và tư vấn sau xét nghiệm (đặc biệt cho nhóm kết quả dương tính/không xác định). - Bộ kết quả sàng lọc tổng hợp: Số lượng và tỷ lệ SPOT-MAS dương tính, bảng phân loại kết quả sau xét nghiệm: theo dõi tại chỗ/chuyển tuyến chẩn đoán/chưa tuân thủ. - 03 bài báo khoa học. - Đào tạo 01 thạc sĩ chuyên ngành xét nghiệm cho học viên người An Giang. - Tập huấn chuyển giao quy trình kỹ thuật; Hội thảo chuyển giao kết quả. - Báo cáo đánh giá hiệu quả triển khai sau xét nghiệm; bao gồm kiến nghị cải thiện quy trình sau sàng lọc. - Báo cáo phân tích mức độ chấp nhận và rào cản triển khai. - Đề xuất mô hình triển khai sàng lọc ung thư sớm bằng ctDNA tại tỉnh An Giang. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.			

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
6	Nghiên cứu thực trạng rối loạn giấc ngủ và đánh giá hiệu quả can thiệp không dùng thuốc cho người cao tuổi tại tỉnh An Giang	1. Mục tiêu chung: Đánh giá được bức tranh toàn cảnh về rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi tại tỉnh An Giang và xây dựng quy trình can thiệp chăm sóc giấc ngủ tại cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm gánh nặng bệnh tật cho người cao tuổi tại địa phương. 2. Mục tiêu cụ thể: - Xác định thực trạng rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi tại cộng đồng tỉnh An Giang. - Phân tích các yếu tố liên quan đến rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi. - Xây dựng và triển khai các can thiệp không dùng thuốc nhằm cải thiện giấc ngủ cho người cao tuổi. - Đánh giá hiệu quả của giải pháp can thiệp lên chất lượng giấc ngủ và đưa ra các đề xuất, khuyến nghị, giải pháp.	- Bộ dữ liệu và phân tích về rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi An Giang. - Bộ công cụ chuẩn sàng lọc, hướng dẫn sử dụng đánh giá rối loạn giấc ngủ cho tuyến cơ sở. - Mô hình can thiệp không dùng thuốc cải thiện giấc ngủ cho người cao tuổi. - Bài báo khoa học. - Đào tạo 01 thạc sĩ chuyên ngành xét nghiệm cho học viên người An Giang. - Tập huấn chuyển giao quy trình kỹ thuật; Hội thảo chuyển giao kết quả. - Báo cáo đánh giá hiệu quả can thiệp không dùng thuốc. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.	900 triệu đồng	12 tháng	Tuyển chọn
7	Nghiên cứu xây dựng, chuẩn hóa bộ công cụ đánh giá ý định, rào cản tiêm chủng HPV và xây dựng mô hình can thiệp nâng cao tỷ lệ	1. Mục tiêu chung: Xây dựng và chuẩn hóa bộ công cụ khám phá thái độ, rào cản và ý định tiêm chủng phù hợp với đặc điểm văn hóa, xã hội tỉnh An Giang nhằm đánh giá tỷ lệ tiêm chủng, các rào cản và xây dựng mô hình can thiệp nhằm tăng cường tỷ lệ tiêm vắc-xin HPV cho trẻ vị thành niên tại tỉnh An Giang. 2. Mục tiêu cụ thể:	- Bộ công cụ đánh giá chuẩn hóa về tiêm chủng HPV. - Mô hình can thiệp được kiểm chứng: Kiến thức trung bình của phụ huynh sau can thiệp tăng ít nhất 20% so với trước can thiệp; tỷ lệ phụ huynh sẵn sàng cho con tiêm chủng tăng; tăng tỷ lệ học sinh được tiêm thực tế trong nhóm can thiệp.	980 triệu đồng	12 tháng	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
	bao phủ vắc xin HPV cho nữ vị thành niên tại tỉnh An Giang	- Xây dựng và chuẩn hóa bộ công cụ khám phá thái độ, ý định và rào cản của phụ huynh nữ sinh đối với việc tiêm vắc-xin HPV cho trẻ vị thành niên. - Đánh giá thực trạng tỷ lệ tiêm chủng và xác định các rào cản ảnh hưởng đến ý định tiêm chủng vắc xin HPV cho con gái tại An Giang. - Xây dựng và đánh giá mô hình can thiệp dựa vào trường học. - Đề xuất giải pháp và khuyến nghị triển khai các hoạt động can thiệp để tích hợp chương trình tiêm vắc-xin HPV vào hệ thống y tế địa phương.	- Sổ tay hướng dẫn sử dụng bộ công cụ và tư vấn vắc xin HPV dành riêng cho nhân viên Trạm Y tế xã. - Bộ tài liệu truyền thông. - Bộ tài liệu khuyến nghị chính sách và giải pháp triển khai thực tế cho tỉnh An Giang. - Tập huấn chuyển giao quy trình kỹ thuật; Hội thảo chuyển giao kết quả. - Tham gia đào tạo sau đại học cho học viên người An Giang. - Báo cáo kết quả khảo sát tỷ lệ tiêm chủng HPV cho đối tượng vị thành niên tỉnh An Giang và các yếu tố ảnh hưởng. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.			
8	Xây dựng mô hình số cấu trúc địa chất nền 3D tích hợp AI-BigData phục vụ quy hoạch, thiết kế và quản lý hạ tầng thủy lợi, giao thông và đô thị tỉnh An Giang	1. Mục tiêu chung: Xây dựng mô hình số 3D tích hợp dữ liệu địa chất - địa kỹ thuật - địa chất thủy văn tỉnh An Giang, ứng dụng AI và Big Data để mô phỏng, phân tích và hỗ trợ quyết định cho quy hoạch, thiết kế, thẩm định, quản lý hạ tầng theo hướng chuyển đổi số bền vững. 2. Mục tiêu cụ thể: - Chuẩn hóa, hợp nhất dữ liệu đa nguồn (bản đồ, hồ sơ khoan, InSAR, mực nước ngầm, IoT, viễn thám). - Xây dựng mô hình 3D cấu trúc địa chất - địa chất thủy văn (Holocene, Pleistocene, Pliocene, đứt gãy, tầng chứa nước).	- Bộ cơ sở dữ liệu (geodatabase) địa chất - địa kỹ thuật thủy văn tỉnh An Giang (chuẩn hóa, định dạng mở). - Mô hình 3D cấu trúc địa chất - địa chất thủy văn (tương tác, độ sâu đến 100 m). - Bản sao số nền địa chất, kết nối dữ liệu giám sát động. - Bản đồ phân vùng nền yếu, nguy cơ sụt lún - sạt lở. - Nền tảng WebGIS/3D dashboard tích hợp và bộ API chia sẻ dữ liệu cho Sở/ngành. - 02 bài báo khoa học công bố (Scopus và Tạp chí uy tín trong nước).	4.000 triệu đồng	24 tháng	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
		- Phát triển mô hình số tích hợp AI-Big Data-IoT, cập nhật động; mô phỏng lún, xói lở, biến động mực nước và trạng thái nền theo thời gian gần thực. - Triển khai WebGIS/Dashboard 3D phục vụ tra cứu, chia sẻ cho các sở ngành và IOC tỉnh. - Đề xuất quy trình khai thác, thăm định, chia sẻ dữ liệu liên ngành; đưa ra khuyến nghị kỹ thuật cho quy hoạch, thiết kế, thăm định và quản lý an toàn nền móng.	- Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu. * <i>Các chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt:</i> + Dữ liệu địa chất - địa kỹ thuật: ≥ 400 điểm khoan/điểm thí nghiệm chuẩn hóa. + Lớp địa tầng mô hình hóa: ≥ 5 tầng chính (Holocene, Pleistocene, Pliocene, đứt gãy, tầng chứa nước). + Hiện thị mô hình 3D: Lớp dữ liệu qua WebGIS. + Giám chi phí khảo sát lặp lại: $\geq 30\%$ tại dự án thí điểm. + Tích hợp liên ngành: ≥ 02 sở/ngành kết nối sử dụng dữ liệu. + Bản đồ phân vùng rủi ro nền: 1:25.000 - phủ toàn tỉnh.			
9	Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT) trong tối ưu hóa quản lý nguồn nước và dinh dưỡng cho các mô hình chuyên canh lúa và xoài	1. Mục tiêu chung: Ứng dụng công nghệ IoT và AI để tối ưu hóa quản lý nguồn nước và dinh dưỡng cho lúa và xoài tại tỉnh An Giang, góp phần nâng cao năng suất và bền vững môi trường. 2. Mục tiêu cụ thể: - Xây dựng thành công hệ thống tích hợp IoT-AI tự động phân tích dữ liệu đất và thời tiết để ra lệnh tưới/bón chính xác. - Giảm ít nhất 15-20% chi phí phân bón và nước tưới; tăng năng suất cây trồng từ 5-10%.	- Hệ thống thiết bị IoT và trạm điều khiển: cảm biến đa chỉ tiêu; gateway năng lượng mặt trời; van điều khiển từ xa. - Bộ phần mềm quản lý và mô hình AI: Web và App (Android/iOS); dự báo chính xác $>85\%$. - 02 quy trình tưới/bón phân chính xác cho lúa và xoài: giảm 15-20% lượng nước và phân bón hóa học. - Mô hình thực nghiệm ứng dụng thực tế triển khai thành công tại Thoại Sơn và Chợ Mới với quy mô 20 ha lúa và 05 ha xoài.	2.000 triệu đồng (trong đó NSNN: 1.500 triệu đồng; Nguồn khác: 500 triệu đồng)	18 tháng	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
	quy mô tập trung tại tỉnh An Giang	- Xây dựng phần mềm quản lý tập trung trên Smartphone hỗ trợ giám sát và điều khiển từ xa. - Triển khai thử nghiệm thành công trên 20 ha lúa và 05 ha xoài tại tỉnh An Giang.	- Hồ sơ công nghệ và hướng dẫn sử dụng: chi tiết thiết kế, lắp đặt, vận hành và mã nguồn. - Bài báo khoa học. - Báo cáo kết quả triển khai mô hình thử nghiệm. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.			
10	Nghiên cứu phát triển Hệ thống tác chiến đối kháng không gian mạng toàn diện phục vụ đào tạo, diễn tập và nâng cao năng lực tác chiến mạng cho Tinh đội An Giang	1. Mục tiêu chung: Phát triển thành công nền tảng tác chiến đối kháng tích hợp AI, nhằm nâng cao thực chất năng lực phòng thủ và tấn công mạng cho lực lượng vũ trang tỉnh An Giang. 2. Mục tiêu cụ thể: - Xây dựng môi trường giả lập hạ tầng trọng yếu (điện lực, viễn thông, điều hành tác chiến). - Ứng dụng AI để tự động hóa kịch bản tấn công (Red Team) đối kháng với học viên (Blue Team). - Thiết lập hệ thống đánh giá năng lực theo tiêu chuẩn chuyên sâu qua mô hình CTF.	- Hệ thống tác chiến đối kháng hoàn chỉnh, hỗ trợ đồng thời ít nhất 100 người dùng học tập và 50 người diễn tập. - Bản quyền tác giả cho phần mềm hệ thống. - Bộ giáo trình đào tạo thực hành chuyên sâu; ngân hàng ít nhất 20 kịch bản diễn tập bám sát thực tế địa bàn An Giang và miền Tây Nam Bộ. - Hình thành đội ngũ chuyên gia nòng cốt (5-10 người) có khả năng tự vận hành và phát triển kịch bản mới. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.	4.919 triệu đồng	24 tháng	Tuyển chọn
11	Phát triển hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong điều tiết nước và vận hành hệ thống thủy lợi vùng	1. Mục tiêu chung: Xây dựng thành công hệ thống phần mềm hỗ trợ ra quyết định (DSS) thông minh, giúp cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị khai thác thủy lợi tối ưu hóa quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi vùng Tứ giác Long Xuyên. Hệ thống nhằm đảm bảo hài hòa các mục	- Hệ thống phần mềm DSS (Web và Mobile App) hoạt động ổn định, có chức năng dự báo và khuyến nghị vận hành. - Cơ sở dữ liệu số hóa hệ thống thủy lợi vùng Tứ giác Long Xuyên: chuẩn hóa GIS và chuỗi số liệu thủy văn.	3.000 triệu đồng	30 tháng	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
	Tứ giác Long Xuyên ứng dụng Trí tuệ nhân tạo	tiêu: kiểm soát lũ, ngăn mặn, giữ ngọt và cung cấp nước tưới tiêu hợp lý cho sản xuất nông nghiệp, đồng thời giảm thiểu rủi ro do thiên tai gây ra. 2. Mục tiêu cụ thể: - Xây dựng được cơ sở dữ liệu số hóa đồng bộ về mạng lưới thủy lợi, địa hình, thủy văn và lịch sử vận hành công đập trong vùng Tứ giác Long Xuyên. - Phát triển được các mô hình Trí tuệ nhân tạo (AI) và Học máy (Machine Learning) có khả năng dự báo mực nước, lưu lượng và độ mặn tại các điểm kiểm soát trọng yếu với độ chính xác cao (trên 85%) và thời gian dự báo trước từ 3 đến 5 ngày. - Thiết lập module hỗ trợ ra quyết định có khả năng đề xuất các kịch bản vận hành hệ thống công (đặc biệt là trục Tha La - Trà Sư và các công ven sông Hậu) dựa trên các ràng buộc về mục tiêu kiểm soát lũ và nhu cầu nước. - Triển khai thử nghiệm thực tế và chuyển giao quy trình vận hành hệ thống cho Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi An Giang và Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Quy trình vận hành hệ thống DSS bao gồm tài liệu hướng dẫn sử dụng và phối hợp ra quyết định. - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước. - Đào tạo chuyển giao công nghệ cho 20 cán bộ kỹ thuật. - Báo cáo kết quả triển khai thử nghiệm thực tế và chuyển giao quy trình vận hành hệ thống cho các đơn vị. - Báo cáo chuyên đề về giải pháp vận hành tối ưu. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt.			
12	Xây dựng quy trình sản xuất và tiêu chuẩn hóa sản phẩm phân bón Silic	1. Mục tiêu chung: Xây dựng quy trình sản xuất và tiêu chuẩn hóa sản phẩm phân bón Silic hữu hiệu từ tro trấu, nhằm chế tạo phân trung lượng có giá trị sử dụng cao trong nông nghiệp, góp phần tái sử dụng	- Quy trình công nghệ hoàn chỉnh chuyển hóa tro trấu thành Silic hữu hiệu bằng quá trình kiềm, acid hóa hóa tuần tự, có hướng dẫn kỹ thuật vận hành, sơ đồ thiết bị và định mức nguyên liệu cụ thể; có thể chuyển giao	6.000 triệu đồng	36 tháng	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
	hữu hiệu từ tro trấu phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh An Giang	phụ phẩm nông nghiệp, giảm phát thải môi trường và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững tại tỉnh An Giang theo định hướng kinh tế tuần hoàn. 2. Mục tiêu cụ thể: - Xây dựng 01 quy trình công nghệ chuyển hóa tro trấu thành Silic hữu hiệu bằng quá trình kiềm, acid hóa tuần tự. - Xây dựng 01 quy trình sản xuất chế phẩm vi khuẩn vùng rễ có khả năng hoà tan silicate. - Xây dựng 01 quy trình phối trộn vi khuẩn hoà tan silicate vào sản phẩm phân bón Silic hữu hiệu từ tro trấu. - Xây dựng và vận hành quy mô sản xuất thử nghiệm đạt công suất 01 tấn sản phẩm phân bón chứa hàm lượng Silic hữu hiệu $\geq 09\%$, kiểm chứng tính ổn định và hiệu suất thu hồi SiO_2 hữu hiệu từ tro trấu $\geq 50\%$. - Xác lập tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm phân bón chứa Silic hữu hiệu từ tro trấu theo TCCS 772:2020/BVTV và mật độ vi khuẩn hoà tan silicate đạt từ 10^7CFU/g trở lên.	cho doanh nghiệp phân bón, cơ sở chế biến phụ phẩm nông nghiệp. - Quy trình sản xuất chế phẩm vi khuẩn vùng rễ có khả năng hoà tan silicate. - Quy trình sản xuất chế phẩm vi khuẩn vùng rễ có khả năng hoà tan silicate. - Mô hình sản xuất thử nghiệm quy mô 01 tấn/mẻ tại An Giang, làm cơ sở xây dựng dây chuyền thương mại hóa. Sản phẩm thử nghiệm Silic hữu hiệu (dạng SiO_2 hoạt tính) có hàm lượng Silic hữu hiệu $\geq 09\%$ khối lượng, đạt yêu cầu về hàm lượng và tính chất theo TCCS 772:2020/BVTV; hiệu suất thu hồi SiO_2 hữu hiệu từ tro trấu $\geq 50\%$ (so với hàm lượng SiO_2 tổng trong tro trấu); giảm phát thải rắn (tro trấu thải bỏ) $\geq 70\%$ (so với phương án đốt bỏ truyền thống); tỷ lệ nội địa hóa nguyên liệu và thiết bị $\geq 90\%$ (tro trấu, hóa chất và thiết bị sẵn có trong nước); hàm lượng tạp chất (Fe, Ca, Al oxide) $\leq 5\%$ (theo phân tích định lượng); hiệu suất thu hồi sản phẩm phụ KH_2PO_4 (MKP) $\geq 80\%$ (so với lý thuyết phản ứng). Sản phẩm phụ thu hồi trong quá trình sản xuất đạt chất lượng sử dụng làm phân bón trung lượng. - Hồ sơ tiêu chuẩn cơ sở sản phẩm phân bón Silic hữu hiệu từ tro trấu gồm các chỉ tiêu kỹ thuật, phương pháp thử và yêu cầu chất lượng.			

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
			- Đề xuất mô hình ứng dụng và nhân rộng công nghệ trong sản xuất phân bón trung lượng tại tỉnh An Giang. - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science/Scopus; 01 bài báo đăng trên tạp chí trong nước thuộc danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư nhà nước. - Báo cáo kết quả triển khai mô hình thử nghiệm và phân tích hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, môi trường của quy trình sản xuất: Hiệu quả kinh tế (tỷ lệ giá trị sản phẩm/chi phí nguyên liệu) $\geq 1,2$ lần (theo tính toán kinh tế thực nghiệm) và chứng minh được khả năng thương mại hóa và ứng dụng tại địa phương. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.			
13	Nghiên cứu tái chế rác thải công nghiệp và phế phẩm nông nghiệp theo mô hình kinh tế tuần hoàn để sản xuất vật liệu xây dựng và lưu trữ CO ₂	1. Mục tiêu tổng quát: Nghiên cứu, phát triển các giải pháp khoa học và công nghệ nhằm tái chế rác thải công nghiệp và phế phẩm nông nghiệp phát sinh trên địa bàn tỉnh An Giang để sản xuất vật liệu xây dựng thân thiện môi trường. Đồng thời đánh giá và nâng cao khả năng lưu trữ CO ₂ của vật liệu, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thứ cấp, giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn tại địa phương. Từng bước hình thành cơ sở khoa	- Tối thiểu 01-02 công thức phối liệu và 01 quy trình công nghệ chế tạo vật liệu xây dựng từ rác thải công nghiệp và phế phẩm nông nghiệp phù hợp với điều kiện địa phương. - Tối thiểu 02-03 loại mẫu vật liệu xây dựng thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cơ bản, có khả năng ứng dụng trong xây dựng. - Đề xuất giải pháp có khả năng giảm lượng rác thải công nghiệp và phế phẩm nông nghiệp phải xử lý bằng các phương thức truyền thống. Chứng minh tiềm năng góp	1.500 triệu đồng	24 tháng	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
		học và thực tiễn cho việc ứng dụng, chuyển giao và nhân rộng các mô hình sản xuất vật liệu xây dựng từ chất thải, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và định hướng phát triển bền vững của tỉnh An Giang. 2. Mục tiêu cụ thể: - Khảo sát, đánh giá và lựa chọn nguồn nguyên liệu chất thải công nghiệp và phế phẩm nông nghiệp chủ yếu trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện cung ứng tại địa phương để làm cơ sở nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng. - Nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng từ rác thải công nghiệp và phế phẩm nông nghiệp: xây dựng công thức phối liệu và quy trình công nghệ phù hợp để tái chế các loại rác thải công nghiệp và phế phẩm nông nghiệp đã lựa chọn thành vật liệu xây dựng; chế tạo các mẫu vật liệu xây dựng thử nghiệm, đánh giá các tính chất cơ học, vật lý và độ bền cần thiết phục vụ sử dụng trong xây dựng. - Nghiên cứu, đánh giá khả năng lưu trữ CO₂ của vật liệu xây dựng được chế tạo từ rác thải công nghiệp và phế phẩm nông nghiệp; làm rõ cơ chế tương tác giữa CO₂ và các pha khoáng trong vật liệu; đề xuất các giải pháp khoa học nhằm nâng cao hiệu quả lưu trữ CO₂ của vật liệu xây dựng.	phần giảm phát thải CO₂ thông qua cơ chế lưu trữ CO₂ trong vật liệu xây dựng. - Báo cáo kết quả nghiên cứu về khả năng lưu trữ CO₂ của vật liệu xây dựng được chế tạo từ rác thải công nghiệp và phế phẩm nông nghiệp, làm rõ cơ chế tương tác giữa CO₂ và các pha khoáng trong vật liệu. - Báo cáo đánh giá hiệu quả môi trường, kinh tế và khả năng ứng dụng tại địa phương. Đề xuất được định hướng ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng tại tỉnh An Giang. - Bộ cơ sở dữ liệu điều tra, khảo sát. - Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá đặc tính hóa học, khoáng học và vật lý của các loại chất thải được lựa chọn phục vụ cho việc thiết kế và phát triển vật liệu xây dựng. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.			

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
		- Đánh giá hiệu quả môi trường, hiệu quả kinh tế của vật liệu xây dựng được nghiên cứu và đề xuất định hướng ứng dụng, chuyển giao và nhân rộng kết quả nghiên cứu phục vụ phát triển bền vững tại địa phương.				
14	Nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất chượp ngăn ngày trên tàu cá vùng biển tỉnh An Giang và bước đầu thử nghiệm sản xuất nước mắm cao đậm	1. Mục tiêu chung: Nghiên cứu sản xuất chượp cá ngăn ngày trên tàu đánh bắt cá tại các vùng biển trên địa bàn tỉnh An Giang và bước đầu thử nghiệm sản xuất nước mắm cao đậm nhằm rút ngắn thời gian sản xuất, tăng năng suất khai thác và nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần nâng cao giá trị, hiệu quả kinh tế và tính bền vững cho tàu đánh bắt, khai thác cá mắm tại Cảng cá Tắc Cậu nói riêng và tỉnh An Giang nói chung. 2. Mục tiêu cụ thể: - Xây dựng được quy trình sản xuất chượp cá ngăn ngày trên tàu đánh bắt, khai thác cá trên địa bàn tỉnh An Giang. - Xây dựng và hoàn thiện được quy trình chế biến nước mắm cá cao đậm từ chượp cá ngăn ngày trên tàu đánh bắt, khai thác cá trên địa bàn tỉnh An Giang. - Triển khai 01 mô hình thí điểm sản xuất chượp cá ngăn ngày trên tàu đánh bắt, khai thác cá và sản xuất thử nghiệm nước mắm cao đậm từ chượp cá ngăn ngày trên tàu đánh bắt, khai thác cá tại cảng cá Tắc Cậu,	- Quy trình sản xuất chượp cá ngăn ngày trên tàu đánh bắt, khai thác cá trên địa bàn tỉnh An Giang. - Quy trình chế biến nước mắm cá cao đậm từ chượp cá ngăn ngày trên tàu đánh bắt, khai thác cá trên địa bàn tỉnh An Giang. - Sản xuất ít nhất 100 lít nước mắm với quy mô pilot 1.000 kg/bể chượp (ứng dụng từ kết quả đề tài) tại Công ty TNHH SX TM Tín An đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước mắm - TCVN 5107:2018. - Đào tạo, tập huấn, hội thảo. - Báo cáo kết quả triển khai mô hình thí điểm sản xuất chượp cá ngăn ngày trên tàu đánh bắt, khai thác cá và sản xuất thử nghiệm nước mắm cao đậm. - Báo cáo thực trạng nguồn nguyên liệu cá đánh bắt trên tàu cá vùng biển An Giang, neo đậu tại Cảng cá Tắc Cậu và đề xuất phương pháp xử lý và bảo quản nguyên liệu cá đạt chất lượng cao, thích hợp cho việc sử dụng làm nguyên liệu sản xuất nước mắm.	2.800 triệu đồng	18 tháng	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
		Công ty TNHH SX TM Tín An (Tổ 2, ấp An Phước, xã Bình An, tỉnh An Giang) ở quy mô 1.000 kg/bể chượp. - Tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu kết quả triển khai mô hình cho 50 lượt chủ tàu đánh bắt, khai thác cá mắm và cơ sở sản xuất nước mắm truyền thống.	- Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.			
15	Phát triển mô hình nuôi tảo quy mô công nghiệp và ứng dụng trong công nghệ sản xuất thịt thay thế tại tỉnh An Giang	1. Mục tiêu chung: Xây dựng quy trình nuôi tảo đỏ/tảo nâu quy mô công nghiệp và phát triển công nghệ sản xuất thịt thay thế từ tảo (seaweed-based meat analog) nhằm tạo ra sản phẩm thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, thân thiện môi trường, góp phần giảm tiêu thụ thịt đỏ, nâng cao sức khỏe cộng đồng và hình thành ngành công nghiệp thực phẩm mới tại tỉnh An Giang. 2. Mục tiêu cụ thể: - Xây dựng quy trình nuôi tảo đỏ/tảo nâu quy mô pilot - tiền công nghiệp, trong đó: + Thí điểm nuôi tảo đỏ/tảo nâu ngoài tự nhiên tại vùng biển An Giang (liên kết vùng) nơi có điều kiện thủy văn phù hợp với rong biển nhiệt đới. + Xây dựng mô hình nuôi tảo trong hệ thống bể/tank nhân tạo phù hợp điều kiện An Giang, tận dụng nguồn nước và phụ phẩm thủy sản tại địa phương.	- Quy trình nuôi tảo đỏ/tảo nâu quy mô pilot (ngoài biển và trong bể tại An Giang). - Quy trình công nghệ sản xuất thịt thay thế từ tảo. - Quy trình công nghệ chiết tách protein và polysaccharide chức năng (alginate, carrageenan, agar) từ tảo được hoàn thiện. - Ít nhất 02 sản phẩm mẫu: + Miếng thịt tảo dùng thử nghiệm trong thực đơn mẫu. + Bột protein tảo phục vụ nghiên cứu và phát triển sản phẩm tiếp theo. - Kết quả đánh giá, phân tích chất lượng thịt thay thế từ tảo. - Mô hình kinh tế tuần hoàn ứng dụng thực tế tại cơ sở thủy sản/đơn vị thí điểm. - Ít nhất 03 bài báo khoa học công bố trên tạp chí chuyên ngành. - Hồ sơ bảo hộ giải pháp hữu ích/sáng chế (được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn hợp lệ).	7.000 triệu đồng	36 tháng	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
		- Hoàn thiện công nghệ chiết tách protein và polysaccharide chức năng (alginate, carrageenan, agar) từ tảo. - Ứng dụng công nghệ ép đùn ẩm (high-moisture extrusion) để tạo sản phẩm thịt thay thế có cấu trúc, màu sắc và cảm quan tương tự thịt đỏ. - Đánh giá giá trị dinh dưỡng, độ an toàn thực phẩm và mức độ chấp nhận của người tiêu dùng đối với sản phẩm thịt thay thế từ tảo. - Xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn: phụ phẩm thủy sản → nuôi tảo → chế biến sâu → thực phẩm giá trị cao. - Đề xuất mô hình thương mại hóa và chuyển giao công nghệ tại An Giang.	- Báo cáo kết quả triển khai các mô hình nuôi tảo. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.			
16	Phát triển và đánh giá sản phẩm gạch không nung từ rác thải nhựa, xốp và vỏ trấu ứng dụng trong xây dựng công trình phụ trợ	1. Mục tiêu chung: Phát triển và đánh giá sản phẩm gạch không nung từ rác thải nhựa, xốp và phụ phẩm vỏ trấu nhằm thúc đẩy vật liệu xây dựng xanh, đóng góp vào chuyển đổi kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực nông nghiệp và thực hiện mục tiêu phát triển vật liệu xây không nung tại Việt Nam đến năm 2030. 2. Mục tiêu cụ thể: - Nghiên cứu giải pháp phối trộn đột phá giữa phụ phẩm nông nghiệp (vỏ trấu) và rác thải nhựa/xốp để chế tạo cốt liệu gạch	- Sản phẩm gạch không nung đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 6477:2016. - Kết quả đánh giá, phân tích chất lượng gạch không nung. - Sổ tay hướng dẫn thiết kế và thi công gạch không nung áp dụng cho các công trình. - Giải pháp tổng thể để chuyển giao kết quả mô hình sản xuất gạch không nung từ rác thải nhựa, xốp và vỏ trấu cho địa phương, doanh nghiệp, người dân. - Hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm gạch không nung (được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn hợp lệ).	1.350 triệu đồng	24 tháng	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
		không nung, đáp ứng các cấp độ cường độ chịu nén từ M3,5 đến M7,5. - Xây dựng cơ sở khoa học cho việc phối hợp chất kết dính hữu cơ và vô cơ, đảm bảo các yêu cầu về đặc trưng cơ lý theo TCVN 6477:2016 (độ hút nước, tính thấm) và yêu cầu nghiệm thu cấu kiện theo TCVN 4085:2011 (độ bền và khả năng biến dạng). - Ứng dụng kết quả nghiên cứu để triển khai thí điểm 100 m đường đi bộ và 20 bồn hoa, làm minh chứng cho tính khả thi kỹ thuật, kinh tế của vật liệu gạch không nung ứng dụng trong xây dựng công trình phụ trợ. - Hoàn thiện và chuyển giao giải pháp tổng thể từ mô hình thu gom nguyên liệu đầu vào chi phí thấp, quy trình sản xuất thân thiện môi trường đến hoạt động truyền thông, đào tạo cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức và thúc đẩy sử dụng vật liệu tái chế trong xây dựng.	- Mô hình 100 m đường đi bộ và 20 bồn hoa ứng dụng sản phẩm gạch không nung của đề tài. - Báo cáo kết quả triển khai thí điểm ứng dụng sản phẩm gạch không nung vào thực tế: + Xây dựng 100 m đường đi bộ: sử dụng gạch không nung lắp ghép với màu sắc hài hòa, thân thiện với môi trường; mặt đường được thiết kế bảo đảm an toàn cho người sử dụng, có khả năng thoát nước tốt và đáp ứng yêu cầu tải trọng theo tiêu chuẩn thiết kế giao thông dành cho người đi bộ; bề rộng mặt đường dao động trong khoảng 1,2-1,5 m kèm theo dải mép tối thiểu 0,3 m ở mỗi bên để đảm bảo ổn định và mỹ quan. + 20 bồn hoa thước 0,8 × 5,0 m tại các khu du lịch và cơ sở giáo dục. - Báo cáo kết quả nghiên cứu giải pháp phối trộn bột phá giữa phụ phẩm nông nghiệp (vỏ trấu) và rác thải nhựa/xốp để chế tạo cốt liệu gạch không nung, đáp ứng các cấp độ cường độ chịu nén từ M3,5 đến M7,5. - Báo cáo kết quả nghiên cứu phối hợp chất kết dính hữu cơ và vô cơ trong sản xuất gạch không nung. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.			

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
17	Nghiên cứu phát triển du lịch Halal trên địa bàn tỉnh An Giang	1. Mục tiêu chung: Nghiên cứu về cơ sở lý luận, thực trạng và điều kiện hình thành du lịch Halal, đồng thời đề xuất mô hình và chính sách phát triển ngành du lịch Halal trên địa bàn tỉnh An Giang hướng đến việc khai thác thị trường khách du lịch Hồi giáo có hiệu quả, bền vững, nhằm đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, thúc đẩy phát triển ngành du lịch nói riêng và kinh tế, xã hội tỉnh An Giang nói chung. 2. Mục tiêu cụ thể: - Nghiên cứu cơ sở lý luận về phát triển ngành du lịch Halal trên địa bàn tỉnh An Giang và kinh nghiệm từ các quốc gia trên thế giới trong xây dựng mô hình du lịch Halal. - Phân tích, đánh giá điều kiện, thực trạng phát triển du lịch tại An Giang (2015-2025) và bối cảnh mới (quốc tế, khu vực, trong nước) ảnh hưởng tới phát triển du lịch Halal trên địa bàn tỉnh. - Xác định những nhân tố ảnh hưởng tới phát triển du lịch Halal tại địa bàn tỉnh An Giang. - Xây dựng và đề xuất mô hình thí điểm du lịch Halal gắn với lưu trú, ẩm thực, lễ hành tại các địa bàn có lợi thế riêng về văn hóa Hồi giáo của cộng đồng người Chăm, gắn với tài nguyên du lịch tâm linh, sinh thái,	- Bộ tiêu chí điểm đến và cơ sở cung ứng dịch vụ du lịch thân thiện Halal phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh. - Mô hình điểm du lịch thân thiện Halal (gắn với lưu trú, ẩm thực, lễ hành) được triển khai tại các địa bàn có lợi thế riêng về văn hóa Hồi giáo của cộng đồng người Chăm, gắn với tài nguyên du lịch tâm linh, sinh thái, cộng đồng và du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo trên địa bàn tỉnh An Giang. - Báo cáo kết quả thí điểm mô hình du lịch thân thiện Halal tại tỉnh An Giang. - Sổ tay hướng dẫn dịch vụ thân thiện du khách Halal cho tỉnh An Giang. - 02 đợt tập huấn (giao tiếp, ứng xử, ẩm thực, phòng khách sạn Halal...) cho ít nhất 50 lượt doanh nghiệp dịch vụ du lịch, lễ hành, cơ sở cung cấp dịch vụ và cán bộ quản lý. - 02 bài báo khoa học thuộc danh mục tạp chí Hội đồng Giáo sư Nhà nước. - Ít nhất 01 chuyên mục quảng bá trên đài truyền hình địa phương - Đào tạo 01 thạc sỹ cho tỉnh An Giang. - Báo cáo khuyến nghị chính sách phát triển ngành du lịch Halal trên địa bàn tỉnh An Giang. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu	1.800 triệu đồng	18 tháng	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm/kết quả	Dự kiến kinh phí thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
		cộng đồng và du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo trên địa bàn tỉnh An Giang. - Nghiên cứu, hình thành chuỗi sản phẩm và tuyến du lịch Halal liên kết, đa dạng, kết hợp giữa du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo tại Phú Quốc với du lịch văn hóa, tâm linh và cộng đồng (đặc biệt là cộng đồng Chăm theo đạo Hồi). - Đề xuất giải pháp, chính sách nhằm khai thác các phân khúc du lịch Halal (trung cấp, cao cấp) từ các thị trường giàu tiềm năng trên thế giới cho tỉnh An Giang.				

Tổng cộng: 17 nhiệm vụ./.